

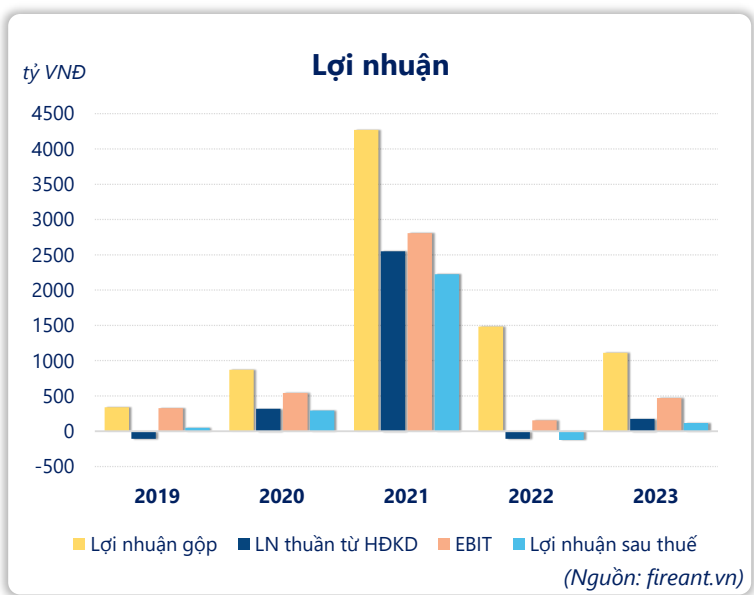
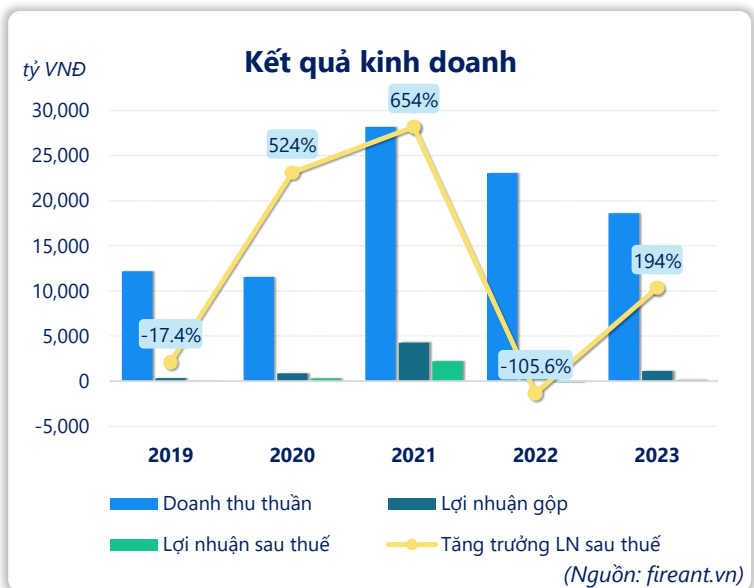
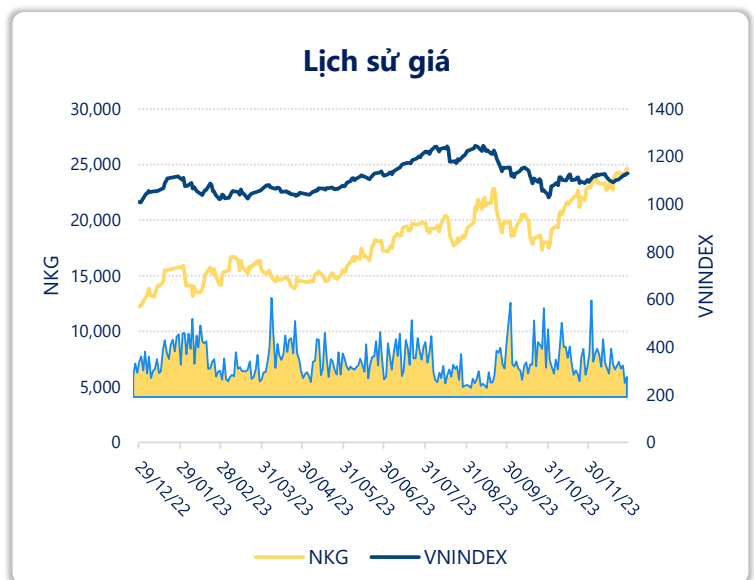
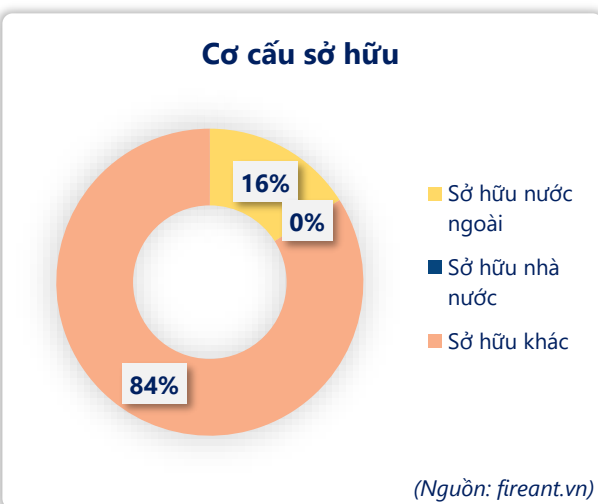
|                    |                   |         |         |
|--------------------|-------------------|---------|---------|
| Ngày<br>29/12/2023 | <b>24,650 VNĐ</b> |         |         |
| Thay đổi           | 1 tháng           | 3 tháng | 6 tháng |
|                    | 3.4%              | 32.5%   | 40.9%   |

|             |               |                    |
|-------------|---------------|--------------------|
| DT<br>thuần | 2023          | YoY                |
|             | <b>18,596</b> | ▼ 4,475<br>▼ 19.4% |
|             | tỷ VNĐ        |                    |

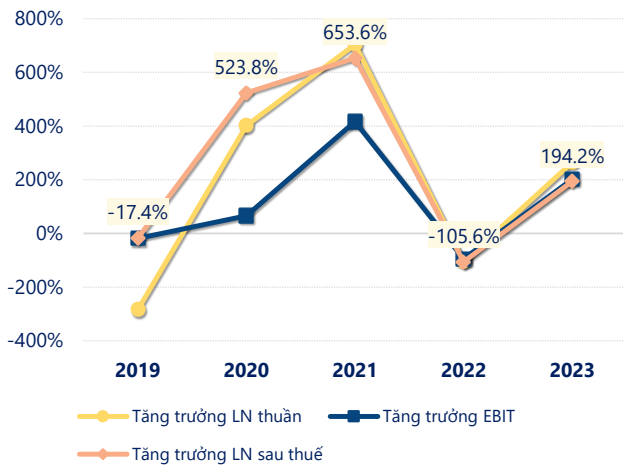
|        |              |                  |
|--------|--------------|------------------|
| LN gộp | 2023         | YoY              |
|        | <b>1,112</b> | ▼ 369<br>▼ 24.9% |
|        | tỷ VNĐ       |                  |

|             |            |                 |
|-------------|------------|-----------------|
| LN<br>thuần | 2023       | YoY             |
|             | <b>177</b> | ▲ 284<br>▲ 266% |
|             | tỷ VNĐ     |                 |

|                |            |                 |
|----------------|------------|-----------------|
| LN sau<br>thuế | 2023       | YoY             |
|                | <b>117</b> | ▲ 242<br>▲ 194% |
|                | tỷ VNĐ     |                 |

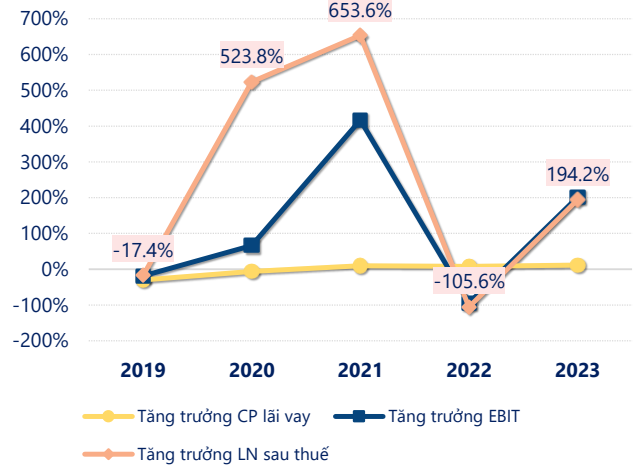


### Tăng trưởng lợi nhuận



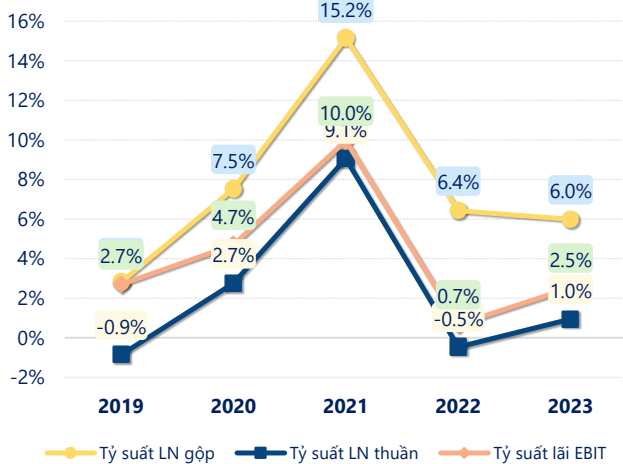
(Nguồn: fireant.vn)

### Tăng trưởng chi phí



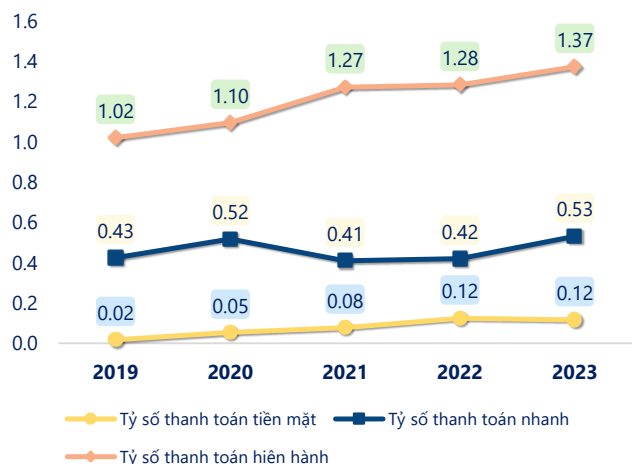
(Nguồn: fireant.vn)

### Tỷ suất lợi nhuận



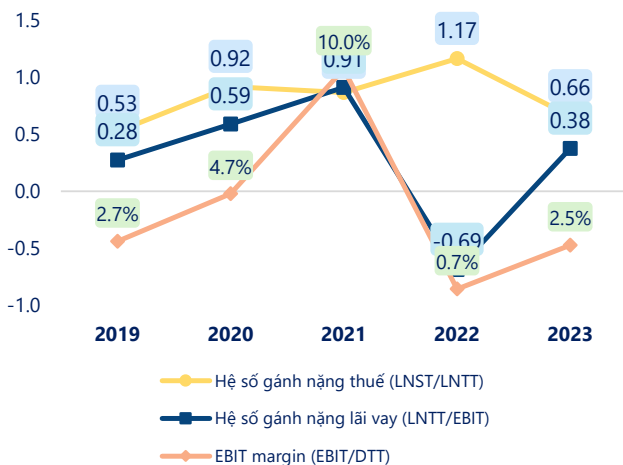
(Nguồn: fireant.vn)

### Chỉ số thanh khoản



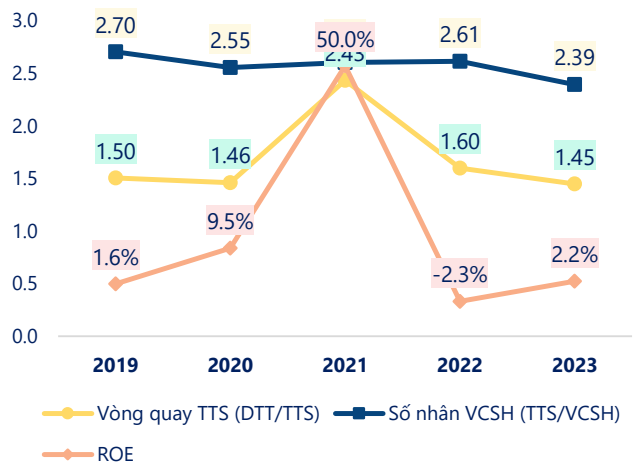
(Nguồn: fireant.vn)

### Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



(Nguồn: fireant.vn)

### Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

|                           | 2019          | 2020          | 2021          | 2022          | 2023          |
|---------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>    | <b>12,177</b> | <b>11,560</b> | <b>28,173</b> | <b>23,071</b> | <b>18,596</b> |
| Giá vốn hàng bán          | 11,835        | 10,690        | 23,904        | 21,590        | 17,484        |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>      | <b>342</b>    | <b>869</b>    | <b>4,270</b>  | <b>1,481</b>  | <b>1,112</b>  |
| Doanh thu HĐTC            | 107           | 89.1          | 199           | 303           | 230           |
| Chi phí TC                | 275           | 281           | 397           | 503           | 426           |
| <b>Chi phí lãi vay</b>    | <b>237</b>    | <b>222</b>    | <b>244</b>    | <b>262</b>    | <b>293</b>    |
| LN trong công ty LKLD     | 0             | 0             | 0             | 0             | 0             |
| Chi phí bán hàng          | 210           | 268           | 1,398         | 1,202         | 609           |
| Chi phí QLDN              | 68.7          | 91.9          | 123           | 186           | 130           |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>   | <b>-105</b>   | <b>317</b>    | <b>2,551</b>  | <b>-107</b>   | <b>177</b>    |
| Lợi nhuận khác            | 195           | 3.63          | 11.1          | -0.07         | 0.24          |
| <b>LN trước thuế</b>      | <b>90.1</b>   | <b>321</b>    | <b>2,562</b>  | <b>-107</b>   | <b>177</b>    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | <b>47.3</b>   | <b>295</b>    | <b>2,225</b>  | <b>-125</b>   | <b>117</b>    |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b> | <b>47.3</b>   | <b>295</b>    | <b>2,225</b>  | <b>-125</b>   | <b>117</b>    |

(Nguồn: fireant.vn)

